

Nhận diện vai trò của nhóm nghiên cứu mạnh trong các trường đại học dựa trên tiếp cận các mối quan hệ của nhóm nghiên cứu

Đào Minh Quân*, Nguyễn Đình Đức

Đại học Quốc gia Hà Nội

Ngày nhận bài 4/4/2019; ngày gửi phản biện 8/4/2019; ngày nhận phản biện 6/5/2019; ngày chấp nhận đăng 16/5/2019

Tóm tắt:

Bài viết này tập trung xem xét vai trò của nhóm nghiên cứu mạnh (NNCM) dựa trên 6 mối quan hệ chính của nhóm, bao gồm: (1) Mối quan hệ giữa các thành viên của NNCM; (2) Mối quan hệ giữa NNCM với trường đại học chủ quản; (3) Mối quan hệ giữa NNCM với bộ môn/khoa/trung tâm/viện nghiên cứu; (4) Mối quan hệ giữa NNCM, trường đại học và giới doanh nghiệp; (5) Mối quan hệ giữa NNCM với các cơ quan, tổ chức nước ngoài; (6) Mối quan hệ giữa NNCM trong trường đại học với Nhà nước.

Từ khóa: hợp tác nghiên cứu, mối quan hệ của nhóm nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu mạnh, vai trò của nhóm nghiên cứu mạnh.

Chỉ số phân loại: 5.3

Dẫn nhập

Sự quan tâm, đầu tư xây dựng và phát triển các NNCM ở khắp các trường đại học của Việt Nam trong thời gian gần đây phản ánh nhận thức chung rằng, các NNCM trong trường đại học ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu, phục vụ xã hội và việc hình thành các nhóm nghiên cứu (NNC) ở các trường đại học như một sự tự thân vận động, có tính tất yếu vì sự phát triển của nhà trường [1]. Trong bối cảnh khoa học đang phát triển theo xu hướng liên ngành, các chuyên ngành khoa học liên kết, thâm nhập, hòa quyện vào nhau đòi hỏi các nhà khoa học cần có cái nhìn, góc tiếp cận liên ngành trong nghiên cứu và do đó nhu cầu về việc xây dựng mô hình tổ chức mang tính hợp tác, liên thông giữa các nhà khoa học, ở ngay chính chuyên ngành và ở nhiều chuyên ngành khác nhau nhằm hỗ trợ, bổ sung cho nhau là một vấn đề cấp thiết và thực tiễn [2]. Xuất phát từ thực tế này, giải pháp mà các trường đại học lựa chọn là xây dựng các NNC khoa học, trong đó đặc biệt chú trọng xây dựng các NNCM nhằm quy tụ các nhà khoa có trình độ cao, lấy hợp tác là phương thức hoạt động chủ yếu để nâng cao hiệu quả cả trong đào tạo và nghiên cứu khoa học. NNC là yếu tố quyết định tới chất lượng của hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo sau đại học [3], đặc biệt NNCM như là các tế bào sống của hoạt động khoa học và thậm chí của cả hoạt động đào tạo trong các trường đại học. Nhà khoa học muốn phát triển được ý tưởng khoa học, xây dựng trường phái học thuật của mình

hoặc giải quyết một vấn đề khoa học liên ngành phải thiết lập được nhóm cộng sự và học trò, tức là phải xây dựng được NNC. Chính NNC là môi trường khoa học thuận lợi nhất để các nhà khoa học trao đổi học thuật, tập hợp lực lượng và cùng nhau tiếp cận, giải quyết các vấn đề mới của khoa học, thông qua các hoạt động của nhóm như hội thảo khoa học, hướng dẫn nghiên cứu sinh... NNC có thể thu hút các nhà khoa học có chuyên môn gần để phát triển môi trường học thuật chuyên sâu, hoặc thu hút các nhà khoa học của nhiều ngành khác nhau để tập trung trí tuệ và sức lực giải quyết một vấn đề có tính liên ngành, đồng thời tạo ra các sản phẩm nghiên cứu có thể chuyển giao và ứng dụng vào thực tiễn [1]. Điều đó phần nào lý giải vì sao NNCM được xem là một trong những trụ cột trong việc giúp các trường đại học xây dựng nền tảng khoa học, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Với mục tiêu nhận diện vai trò của NNCM trong các trường đại học dựa trên tiếp cận các mối quan hệ hợp tác của NNCM, bài viết hy vọng sẽ giúp các nhà khoa học, nhà quản lý hiểu rõ hơn về vai trò của NNCM trong việc nâng cao hiệu quả đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ xã hội. Theo đó, nội dung của bài viết sẽ bắt đầu bằng việc đưa ra định nghĩa về NNC và NNCM trên cơ sở tham khảo một số tài liệu đã được công bố và thực tiễn nghiên cứu của tác giả. Đồng thời, tập trung làm rõ vai trò của NNCM dựa trên 6 mối quan hệ chính sau: (1) Mối quan hệ giữa các thành viên của NNCM; (2) Mối quan hệ giữa NNCM với

*Tác giả liên hệ: Email: quandm@vnu.edu.vn

Identify the role of the excellence research groups in universities based on approaching the group's relationships

Minh Quan Dao*, Dinh Duc Nguyen

Vietnam National University, Hanoi

Received 4 April 2019; accepted 16 May 2019

Abstract:

The paper focuses on examining the role of excellent research groups based on the six key relationships, including (1) Relationship among excellent research groups' members; (2) Relationship between excellent research groups and host universities; (3) Relationship between excellent research groups and departments/faculties/centers/research institutes; (4) Relationship among excellent research groups, universities and business community; (5) Relationship between excellent research groups and foreign organizations; (6) Relationship between excellent research groups in universities and the State.

Keywords: excellent research groups, research cooperation, the relationship of excellent research groups, the role of excellent research groups.

Classification number: 5.3

trường đại học chủ quản; (3) Mỗi quan hệ giữa NNCM với bộ môn/khoa/trung tâm/viện nghiên cứu; (4) Mỗi quan hệ giữa NNCM, trường đại học và giới doanh nghiệp; (5) Mỗi quan hệ giữa NNCM với các cơ quan, tổ chức nước ngoài; (6) Mỗi quan hệ giữa NNCM trong trường đại học với Nhà nước.

Khái niệm NNC và NNCM

NNC

Qua nghiên cứu, tìm hiểu các tài liệu liên quan, tác giả nhận thấy, có rất nhiều cách hiểu khác nhau về NNC. Giữa các nhà quản lý, các nhà khoa học vẫn chưa thể đi đến một quan điểm thống nhất. Các trường đại học, các đơn vị nghiên cứu thường căn cứ vào hoạt động đào tạo và nghiên cứu của mình mà đưa ra những định nghĩa riêng. Trên cơ sở

kế thừa các nghiên cứu trước đó và qua thực tiễn tìm hiểu về các NNC, tác giả diễn đạt lại khái niệm NNC như sau: *NNC là một tập hợp các thành viên có tổ chức hoặc có tính tổ chức trong các đơn vị có chức năng nghiên cứu. Các thành viên của nhóm được tập hợp để cùng thực hiện một đề tài hoặc theo đuổi một lĩnh vực nghiên cứu xác định. Các NNC thường gắn liền với một số hay nhiều thành viên cộng tác và có chung cơ chế chia sẻ quyền lợi, trách nhiệm khi thực hiện các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu. Những người tham gia có thể gồm các nhà nghiên cứu trẻ, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh và các nhà khoa học thuộc các tổ chức nghiên cứu trong nước và nước ngoài cùng tham gia và tạo nên các kết quả của hoạt động nghiên cứu.*

NNCM

Khác với NNC thông thường, NNCM đặt ra các yêu cầu cao hơn về quy mô và độ phức tạp của các vấn đề nghiên cứu nên yêu cầu đặt ra đối với NNCM cũng đòi hỏi cao hơn. Trên cơ sở kết hợp các ý kiến của các nhà khoa học và từ kinh nghiệm nghiên cứu của mình, tác giả định nghĩa NNCM như sau: *NNCM là một tổ chức trung gian trong hệ thống tổ chức bộ môn, khoa, trung tâm, viện, trường. Nhóm được dắt dẫn bởi một nhà khoa học có năng lực, uy tín, có khả năng liên kết các nhà khoa học lại với nhau để giải quyết một cách tập trung, hoàn chỉnh một hay một số vấn đề hoặc chương trình, đề tài/dự án quan trọng có quy mô đủ lớn trong một thời gian đủ dài. Kết quả nghiên cứu của nhóm là quan trọng, đột phá và nhất quán trong lĩnh vực nghiên cứu mà nhóm theo đuổi. NNCM có đủ các điều kiện cơ bản bao gồm nơi làm việc, trang thiết bị, thông tin, tư liệu và kinh phí... để đảm bảo cho các hoạt động nghiên cứu.*

Vai trò của NNCM qua các mối quan hệ

Mối quan hệ giữa các thành viên của NNCM

Mối quan hệ này được hình thành dựa trên quan hệ hợp tác theo hai xu hướng chính sau đây:

Thứ nhất - mối quan hệ hợp tác giữa các nhà khoa học: theo Sylvan Katz có 5 yếu tố thúc đẩy các nhà khoa học làm việc cùng nhau: (1) Chi phí cho công việc mua sắm công cụ nghiên cứu, mua tư liệu, chi phí tiến hành các bước nghiên cứu thông thường ngày càng gia tăng. Việc hợp tác giữa các nhà khoa học sẽ làm tăng tần suất sử dụng những loại hình công cụ, tư liệu này, đồng thời tăng mức phổ biến những tri thức khoa học cho các đối tượng, các nhà khoa học khác nhau; (2) Chi phí của các hình thức liên lạc, đi lại đã giảm mạnh nhờ sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật và công nghệ; (3) Sự nhận thức của các nhà khoa học về vai trò làm việc theo nhóm, làm việc trong cộng đồng khoa học. Chỉ thông qua những mô hình làm việc như vậy thì quá trình sản sinh ra tri thức khoa học tiến bộ sẽ được tiến hành có chọn lọc và dễ thành công hơn; (4) Việc cụ thể hoá các công đoạn trong quá trình nghiên cứu là hết sức

cần thiết và có ý nghĩa cho việc thực hiện các đề tài nghiên cứu (đặc biệt cần thiết cho các chuyên ngành cần có những công cụ, phương thức làm việc phức tạp...); (5) Xu hướng liên ngành đang gia tăng, việc ứng dụng các phương pháp - tri thức liên ngành trong việc giải quyết các vấn đề cụ thể của đời sống xã hội, những lĩnh vực chuyên môn là những yêu cầu cơ bản đòi hỏi cần có sự hợp tác của các nhà khoa học trong cùng một chuyên ngành cũng như khác chuyên ngành [4]. Điều này đặc biệt đúng trong lĩnh vực giáo dục đại học. Trường đại học sẽ có được những kết quả nghiên cứu chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn, khi các công trình nghiên cứu được xây dựng dựa trên sự hợp tác của các nhà khoa học. Chính sự dung hợp được nhiều quan điểm, góc nhìn khác nhau giúp cho việc xây dựng các nhiệm vụ nghiên cứu phù hợp hơn với nhu cầu của thực tiễn. Việc nghiên cứu theo nhóm làm tăng khả năng nắm giữ phương pháp nghiên cứu mới, tri thức mới, những kỹ năng cần thiết giữa các thành viên trong nhóm. Đây cũng chính là một quá trình đào tạo, bản thân các thành viên sẽ học hỏi lẫn nhau, bổ sung cho nhau. Vai trò của nhóm đặc biệt được phát huy mạnh trong những nghiên cứu mang tính liên ngành, việc nghiên cứu theo nhóm giúp đẩy mạnh khả năng của từng cá nhân. Điều đặc biệt quan trọng khi tham gia vào các NNC là các thành viên trong nhóm có thể áp dụng phần việc của các thành viên khác đã làm để triển khai kế hoạch của mình cho khớp. Đồng thời các thành viên đi trước có thể dễ dàng truyền đạt gói công việc cho người sau. Trong mọi lĩnh vực hoạt động của con người luôn chứa đựng sự cạnh tranh quyết liệt và khắc nghiệt. Tuy nhiên, với tính đặc thù của môi trường đại học, yếu tố học thuật lại chính là những chuẩn mực giúp cho sự cạnh tranh này không trở thành sự hủy hoại mà là sự cạnh tranh lành mạnh, giúp cải thiện năng lực của tất cả mọi người. “Tinh thần hợp tác được nuôi dưỡng trong môi trường mà thành công của mỗi người đều góp phần tạo ra thành quả chung và thành quả của người này không loại trừ thành quả của người khác. Nếu sự xuất sắc được ban thưởng một cách xứng đáng và những hành vi trái với chuẩn mực của văn hóa học thuật bị xử lý nghiêm khắc, nếu thành quả chung đem lại lợi ích vật chất cũng như sự thỏa mãn tinh thần cho từng thành viên trong một tập thể tương xứng với sự đóng góp của họ, thì tinh thần hợp tác chính trực sẽ nảy nở một cách tự nhiên” [5]. Do đó, để có những công trình nghiên cứu chất lượng cao, đòi hỏi sự gắn kết chặt chẽ giữa các nhà khoa học, đồng thời với đó là các điều kiện hỗ trợ tốt kèm theo của trường đại học.

Thứ hai - mối quan hệ hợp tác giữa thầy và trò: đây có thể coi là mối quan hệ hợp tác gắn kết hữu cơ tạo nên sự hợp tác phát triển bền vững trong NNCM, mối quan hệ này ít nhiều được thiết chế hóa dưới hình thức người thầy hướng dẫn các học trò. Chính trong quá trình nghiên cứu, người thầy đã lựa chọn được những sinh viên, học viên cao học và đặc biệt là nghiên cứu sinh xuất sắc tham gia vào nhóm. Điều này giúp người thầy quy tụ được đội ngũ nhân

lực nhằm thực hiện các kỳ vọng trong lĩnh vực nghiên cứu họ theo đuổi, bởi chính những học trò là những người có động lực, cũng như áp lực phải hoàn thành chương trình học tập nên họ có động cơ mạnh mẽ để tham gia vào NNC. Người học tham gia vào các NNCM về thực chất là gắn liền việc học với nghiên cứu khoa học, dưới sự dẫn dắt của thầy hướng dẫn. Điều này giúp người học tự tin, phát huy được những ý tưởng sáng tạo và có cơ hội biến những ý tưởng đó thành hiện thực. Tham gia vào các NNCM, người học được trang bị phương pháp nghiên cứu khoa học, nhờ đó các kiến thức và trí tuệ mà họ tích lũy được mới thực sự trở thành tài sản sở hữu lâu dài của họ. Việc vận dụng phương pháp nghiên cứu khoa học vào học tập sẽ giúp họ nâng cao tính chủ động, kế hoạch hoá, sáng tạo và tự tin trong học tập. Bên cạnh đó, thông qua việc tham khảo sách và tài liệu nước ngoài, tham gia các hội thảo trong và ngoài nước, trình độ ngoại ngữ của họ sẽ tiến bộ rõ rệt [6]. Quan hệ này không chỉ diễn ra trong giai đoạn học tập của học trò mà còn tiếp tục được phát triển bền vững thành quan hệ đồng nghiệp hay các quan hệ xã hội khác, khi sau quá trình đào tạo, thầy là người tìm kiếm công việc cho học trò và tạo dựng vị trí khoa học cho học trò hay hỗ trợ các điều kiện tài chính, cơ sở vật chất khác... Quan hệ hợp tác của người thầy với học trò tiếp tục được mở rộng và có tính bắc cầu thông qua mối quan hệ hợp tác của các học trò với các thành phần khác trong xã hội. Đây là mối quan hệ nối tiếp, kế tiếp tạo thành mạng lưới các thành viên hỗ trợ cho hoạt động trong NNC và tạo nên sự phát triển của NNCM.

Mối quan hệ giữa NNCM với trường đại học chủ quản

Đây là mối quan hệ gắn bó hữu cơ hai chiều. Trong đó, ở chiều xuôi, trường đại học là nơi đầu tư, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho các NNCM phát triển. Ở chiều ngược lại, NNCM đóng vai trò hạt nhân quan trọng trong việc thực hiện chức năng đào tạo và nghiên cứu chất lượng cao cho trường đại học. Như đã đề cập ở trên, đào tạo và nghiên cứu khoa học là hai chức năng chính không thể thiếu của bất cứ trường đại học nào, hai chức năng này luôn hỗ trợ, bổ sung cho nhau để nâng cao chất lượng cả trong đào tạo và nghiên cứu. Việc đẩy mạnh hoạt động giáo dục và đào tạo gắn với hoạt động KH&CN thông qua các NNC, đặc biệt là các NNCM đóng vai trò quyết định trong việc giúp các trường đại học phát huy được các tiềm lực và khẳng định vị thế của mình trong quốc gia, khu vực và thế giới. Bởi, NNCM là nhân tố đặc biệt quan trọng trong việc quy tụ các nhà khoa học trình độ cao nhằm phát huy năng lực sáng tạo, thúc đẩy hoạt động KH&CN, giáo dục và đào tạo. Đối với các trường đại học trên thế giới, đặc biệt là các đại học nghiên cứu thì mô hình NNC là hình thức phổ biến để tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo, đặc biệt là đào tạo sau đại học. Việc xây dựng các NNCM trong trường đại học sẽ tạo những điều kiện thuận lợi để các nhà khoa học, các nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên

có thể phát huy khả năng và ý tưởng táo bạo trong nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ xã hội thông qua hoạt động nghiên cứu.

Thực tế đã cho thấy, việc đào tạo để nghiên cứu và qua nghiên cứu là yếu tố cốt lõi nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đặc biệt là đào tạo sau đại học. Đặc thù của bậc đào tạo sau đại học là nghiên cứu chuyên sâu, do vậy chương trình đào tạo sau đại học, đặc biệt là đào tạo nghiên cứu sinh đòi hỏi hàm lượng nghiên cứu khoa học cao hơn so với chương trình đào tạo đại học. Việc các sinh viên, học viên cao học, đặc biệt là nghiên cứu sinh được làm việc trong các NNCM với đầy đủ các điều kiện về chuyên môn, phương tiện làm việc, thông tin tư liệu và thiết bị là một điều kiện thuận lợi đối với họ. Trong môi trường như vậy, ngoài khóa luận, luận văn, luận án được bảo vệ, người học còn được nâng cao một cách toàn diện về mặt kiến thức chuyên môn, kỹ năng làm việc nhóm và kinh nghiệm tổ chức, quản lý và triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học.

Như vậy, trường đại học là trung tâm trí tuệ, nơi tạo ra, lưu trữ, truyền tải tri thức và những giá trị tinh thần từ thế hệ này sang thế hệ khác. Bản thân sự sáng tạo tri thức mới đã mang bản chất hợp tác và kế thừa. Hơn thế nữa, trong bối cảnh tri thức ngày càng đan xen phức tạp giữa các chuyên ngành, mọi công trình đều cần dựa trên sự tham gia hợp tác của nhiều người ở các lĩnh vực chuyên môn khác nhau và có những kỹ năng, tri thức, phẩm chất khác nhau nhằm phối hợp và bổ sung cho nhau*. Do vậy, NNCM chính là hạt nhân để tạo nên sự hợp tác trong các trường đại học và cũng là nhân tố cốt lõi tạo ra hiệu quả kép trong đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Mối quan hệ giữa NNCM với bộ môn/khoa/trung tâm/viện nghiên cứu

Đây là mối quan hệ dựa trên tinh thần hợp tác, trong đó NNCM đóng vai trò trung tâm quy tụ các nhà khoa học từ cùng một đơn vị hay ở các đơn vị khác nhau nhằm thực hiện một chương trình, nhiệm vụ nghiên cứu nhất định hoặc theo đuổi một lĩnh vực nghiên cứu trọng tâm nào đó. Thế mạnh của NNCM là tạo ra sự hợp tác không giới hạn, không biên giới và không bị tác động bởi các rào cản hành chính hay địa lý. Điều này đặc biệt thích ứng với thời đại của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay [7]. Chính NNCM là môi trường tạo ra sự cộng tác giữa các nhà khoa học trong quá trình nghiên cứu để giải quyết những vấn đề có tính phức tạp, trao đổi tri thức, là môi trường nuôi dưỡng sự gắn kết chặt chẽ giữa các nhà khoa học, bởi ở đó chất keo kết dính các nhà khoa học là sự đồng điệu trong khoa học, sự đồng thuận trong chí hướng và có cùng chung mục tiêu mà không phải là các quyết định hành chính.

*Hợp tác và trao quyền trong giáo dục đại học, Bản tin ĐHQGHN số 283, 2014.

Mối quan hệ giữa NNCM, trường đại học và giới doanh nghiệp

Đây là mối quan hệ ba bên nhưng thực chất là mối quan hệ hai chiều, trong đó trường đại học là cầu nối giữa NNCM và giới doanh nghiệp. NNCM sẽ là hạt nhân thay mặt cho trường đại học giúp giới công nghiệp giải quyết các vấn đề về chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, phát triển công nghệ, mở rộng công nghệ, nâng cấp công nghệ hay các dịch vụ KH&CN. Đồng thời, thực hiện các chương trình nghiên cứu liên kết được quan tâm chung trên cơ sở các hợp đồng nghiên cứu, các khóa đào tạo huấn luyện hay các chương trình hội thảo cung cấp kiến thức cho giới doanh nghiệp. Ngược lại, các doanh nghiệp thông qua trường đại học hỗ trợ cho các NNCM về cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài chính, tiếp nhận nhân sự được đào tạo từ các NNCM... Trên cơ sở các hoạt động hợp tác và chuyển giao tri thức với các doanh nghiệp, các NNCM có điều kiện thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu chuyên sâu, đồng thời từng bước hình thành nền tảng tài chính mạnh góp phần quan trọng cho sự phát triển của trường đại học nói chung và của nhóm nói riêng. Đặc biệt, thông qua mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp, các NNCM có thể thương mại hóa thành quả nghiên cứu của mình, cũng như huy động các nguồn lực thông qua hợp tác để triển khai các hoạt động KH&CN.

Mối quan hệ giữa NNCM với các cơ quan tổ chức nước ngoài

Đây là mối quan hệ đa dạng, đó có thể là quan hệ hợp tác giữa các nhà khoa học nhằm thực hiện các chương trình/dự án nghiên cứu chung, hay có thể là các tài trợ nhằm thúc đẩy hoạt động KH&CN, nâng cao năng lực nghiên cứu cho các NNCM thông qua các dự án tài trợ về cơ sở vật chất, trang thiết bị... Việc tăng cường hợp tác quốc tế trong KH&CN thông qua môi trường NNCM là cách tốt nhất để đưa hoạt động KH&CN của trường đại học tiệm cận với chuẩn mực quốc tế, kết nối cộng đồng khoa học thế giới. Đặc biệt là huy động được nguồn kinh phí dồi dào từ các tổ chức quốc tế để giải quyết các vấn đề đặt ra của trường đại học nói riêng và quốc gia nói chung. Bên cạnh đó, việc tăng cường hợp tác thông qua môi trường NNCM giúp quy tụ được các nhà khoa học nước ngoài tham gia cùng nghiên cứu. Điều này không chỉ giúp thúc đẩy các NNCM phát huy nội lực, kết hợp với ngoại lực để tăng cường công bố quốc tế mà còn giúp nâng cao năng lực KH&CN và hội nhập quốc tế của các NNC nhanh hơn.

Mối quan hệ giữa NNCM trong trường đại học với Nhà nước

Đây là mối quan hệ gắn bó hữu cơ mật thiết, bởi Nhà nước là tác nhân chủ đạo trong việc thúc đẩy sự gia tăng các NNCM trong trường đại học. Các NNCM trong các trường đại học sẽ không thể hình thành và phát triển mạnh nếu không có được môi trường chính sách thuận lợi với sự hỗ

trợ và sáng kiến trực tiếp từ Nhà nước [8]. Bởi Nhà nước là cơ quan tài trợ chính cho các NNCM trong việc thiết lập các phương tiện và năng lực nghiên cứu trình độ cao để triển khai các hoạt động KH&CN. Việc tài trợ này không chỉ dừng lại ở các chương trình/đề tài/dự án của Nhà nước mà còn bao gồm các hoạt động đầu tư gián tiếp thông qua các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu cho các trường đại học, nơi các NNCM hoạt động. Thông qua việc thực hiện các chương trình/đề tài/dự án, những kết quả nghiên cứu do NNCM tạo ra sẽ góp phần tư vấn hoạch định chính sách cho Chính phủ hoặc thúc đẩy sự tiến bộ xã hội hay thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Kết luận

Từ việc nhận diện vai trò của NNCM dựa trên tiếp cận các mối quan hệ hợp tác của nhóm, chúng tôi hy vọng có thể đóng góp một số kết quả mang tính lý thuyết giúp các nhà khoa học và đặc biệt là nhà quản lý của các trường đại học, các cơ quan quản lý nhà nước thấy được vai trò cơ bản của NNCM trong việc nâng cao hiệu quả đào tạo, nghiên cứu và phục vụ xã hội. Từ đó, xây dựng những chính sách phù hợp nhằm thúc đẩy NNC phát triển, tạo môi trường lý tưởng và thuận lợi để các nhà khoa học, các nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên có thể phát huy khả năng và ý tưởng sáng tạo, hướng đến các mục tiêu: a) Thúc đẩy các sáng kiến mới, đặc biệt là trong những lĩnh vực nghiên cứu đa ngành đang được quan tâm; b) Huy động và khai thác các nguồn lực bên trong và bên ngoài để phát triển các chương trình nghiên cứu của nhóm; c) Cung cấp các chương trình giáo dục và rèn luyện trong hoạt động nghiên cứu và các kỹ năng liên quan, đặc biệt là đối với sinh viên đại học và sau đại học; d) Phổ biến, truyền bá tri thức khoa học qua các ấn phẩm, hội thảo, bài giảng...; đ) Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động hợp tác đa ngành giữa các học giả và đối tác thông qua mạng Internet và quá trình trao đổi thông tin; e) Cung cấp, chuyển giao các kết quả nghiên cứu, khóa đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng kinh nghiệm và kỹ năng chuyên môn; f) Tăng cường năng lực nghiên cứu; g) Liên kết tri thức, tận dụng được các ưu điểm về tính liên ngành.

Những phân tích nêu trên về vai trò của NNCM dựa trên tiếp cận các mối quan hệ hợp tác của nhóm là những nghiên cứu lý thuyết ban đầu, rất cần có những nghiên cứu thực tiễn, cụ thể tiếp theo nhằm làm rõ hơn vai trò của các NNCM trong trường đại học trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ xã hội.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu được tài trợ bởi Chương trình KH&CN cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020 “Nghiên cứu phát triển khoa học giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam” thông qua đề tài mã số KHGD/16-20.ĐT.032. Các tác giả xin trân trọng cảm ơn sự tài trợ này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Đình Đức (2014), *Phát triển NNC trong trường đại học - Xu thế tất yếu*, <http://vov.vn/xa-hoi/phat-trien-nhom-nghien-cuu-trong-truong-dh-xu-the-tat-yeu-325151.vov>.
- [2] Đào Minh Quân (2016), “Thực trạng và một số biện pháp xây dựng, phát triển NNCM ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Chuyên trang Nghiên cứu Chính sách và Quản lý*, **32(4)**, tr.25-39.
- [3] Trương Quang Học (2008), *NNC - yếu tố quyết định tới chất lượng của hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo sau đại học*, <http://dt.ussh.edu.vn/noi-dung-khac/nhom-nghien-cuu-khoa-hoc-yeu-to-quyet-dinh-toi-chat-luong-cua-hoat-dong-khoa-hoc-cong-nghe-va-dao-tao-sau-dai-hoc>.
- [4] Trần Văn Kham (2004), *Hợp tác nghiên cứu trong cộng đồng khoa học hiện nay*, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Đại học Quốc gia Hà Nội (2014), “Hợp tác và trao quyền trong giáo dục đại học”, *Bản tin Đại học Quốc gia Hà Nội*, **283**, tr.28-33.
- [6] Đào Minh Quân (2009), *Xây dựng NNC nhằm nâng cao hiệu quả gắn kết giữa nghiên cứu khoa học và đào tạo sau đại học (Nghiên cứu trường hợp Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội)*, Luận văn ThS chuyên ngành quản lý KH&CN.
- [7] Nguyễn Đình Đức (2018), “Đổi mới mạnh mẽ giáo dục đại học: Chiến lược đề Việt Nam nắm bắt cơ hội ở cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4”, *Kỳ yếu Hội nghị quốc gia nhu cầu nhân lực chất lượng cao cho phát triển trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và những đáp ứng của giáo dục đại học Việt Nam*, tr.219-224.
- [8] Ha Nguyen Thi Thu, Duc Bui Minh, Duc Nguyen Dinh (2019), “Major factors impacting the operational efficiency of scientific working groups”, *VNU Journal of Science: Education Research*, **35(1)**, pp.54-63.